TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/12/2019.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Văn Học.

Các hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Chiến.
Bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2019/TLST- HNGĐ ngày 04-10-2019 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-11-2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Công Tn; sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thảo L; sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Ông T, bà L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Công T trình bày: Ông và bà L tự nguyện kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Từ đầu tháng 6/2019 đến nay đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Anh Đ, sinh ngày 10-02-2015 và Lê Thị Kim D, sinh ngày 10-12-2016, hiện đang sống với bà L. Khi ly hôn ông đồng ý giao các con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi

con mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo lời khai, lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Thảo L trình bày: Công nhận lời trình bày của ông T về việc đăng ký kết hôn, con chung và tài sản như trên là đúng.

Vợ chồng tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 6/2014, đến tháng 12/2015 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do ông T chửi bới, đánh đập bà và đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cho cháu Đ mỗi tháng 3.000.000đ.

Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, xử cho ông T và bà L được ly hôn; về con chung giao cả 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ; ông T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L tự nguyện kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Từ đầu tháng 6/2019 đến nay đã sống ly thân, Cả hai bên cùng xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, ông T xin ly hôn, bà L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên cùng thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà L là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Anh Đ, sinh ngày 10-02-2015 và Lê Thị Kim D, sinh ngày 10-12-2016, hiện đang sống với bà L. Khi ly hôn cả hai bên đã thỏa thuận, bà L trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cho cháu Đ mỗi tháng 3.000.000đ là không phù hợp với quy định của pháp luật, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ là có căn cứ nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điiều 84; Điều

110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và giâ đình năm 2014. Giao các con chung tên Lê Anh Đ, sinh ngày 10-02-2015 và Lê Thị Kim D, sinh ngày 10-12-2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 12/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3] Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có nên không đề cập giải quyết về tài sản là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Ông T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Công T và bà Lê Thị Thảo L.

2) Về con chung: Giao các con chung tên Lê Anh Đ, sinh ngày 10-02-2015 và Lê Thị Kim D, sinh ngày 10-12-2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 12/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, ông T còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3) Về án phí: Ông T chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ. Tổng cộng 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0014450 ngày 04-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Còn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Các đương sự (để thi hành)
- Chi cục THADS Di Linh;
- UBND xã Đinh Lạc;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đới Văn Học